



hǎo hǎo xiān shēng

好好先生

noun · yes-man; person who always agrees

Example Sentences

tā zǒng shì bú jù jué bié rén shì gè hǎo hǎo xiān sheng
他总是不拒绝别人，是个好好先生。

He never refuses others; he's a yes-man.

dāng hǎo hǎo xiān shēng yǒu shí huì ràng zì jǐ hěn lèi
当好好先生有时会让自己很累。

Being a yes-man can sometimes make you very tired.

Trace each character, then write the word on your own.

好	好	好	好	好	好	好	好	好		
好	好	好	好	好	好	好	好	好		
先	先	先	先	先	先	先	先	先		
生	生	生	生	生	生	生	生	生		